

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23/9/2022
*Về việc Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hà và ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Văn K, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu đô thị M, C, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị G, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu đô thị M, C, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt ông K, bà G vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, lời khai của ông Lưu Văn K với nội dung vụ kiện như sau:

Ông Lưu Văn K và bà Đặng Thị G lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 04/3/2015. Thực tế

ông K và bà G đã chung sống như vợ chồng từ đầu năm 2004 nhưng giữa ông K và bà G thường xuyên cãi chửi nhau, thời điểm đó bà G đã có thai nên ông K cố gắng chịu đựng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn diễn ra hàng ngày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, bà G ghen tuông vô cớ và nghi ngờ ông K ngoại tình với người phụ nữ khác. Bà G là người nóng tính, nói năng không suy nghĩ, khi nói chuyện với chồng với con rất hỗn láo. Mỗi lần vợ chồng không thống nhất được quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày là bà G lại dùng những lời nói thô tục chửi bới, lăng mạ, xúc phạm đến danh dự của ông K. Vợ chồng làm kinh doanh hàng ăn, nghỉ trọ và tư vấn bất động sản, trước mặt rất nhiều khách hàng, bà G không tôn trọng ông K mà luôn tỏ thái độ coi thường và xúc phạm ông K. Tháng 02 năm 2022, vợ chồng cãi nhau, bà G dùng những lời lẽ rất thô tục chửi bới nên ông K quyết định không tiếp tục chung sống cùng với bà G nữa. Nay ông K cho rằng tình cảm giữa ông và bà G không còn, yêu cầu xin ly hôn với bà G.

* Ý kiến của bà Đặng Thị G lưu tại hồ sơ:

Thời gian, điều kiện kết hôn và chung sống như ông K trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tự nhiên ông K bỏ đi 09 ngày không về, khi về thì ông K đi cùng với 07 người gồm cả nam và nữ về nhà bà G ăn nhậu. Bà G hỏi về việc ông K đi đâu mấy ngày mà không nói, ông K cho rằng bà G không có quyền xen vào đời tư của chồng nên vợ chồng có nặng lời với nhau, bà G có thái độ không tiếp khách của ông K nhưng vì bà bán hàng ăn nên ông K và bạn bè vẫn ăn uống. Sau bữa tối hôm đó, ông K đi cùng với nhóm bạn và về nhà của vợ chồng tại Nội Chuối, xã B, huyện L sinh sống mà không về ở cùng với bà G. Bà G đã xin lỗi và làm lành nhưng ông K có thái độ không hợp tác. Từ đầu năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, thỉnh thoảng ông K có về nhà để thăm con mà không hỏi han gì đến vợ. Bà G cho rằng bà còn tình cảm với ông K nên không nhất trí ly hôn.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được do bà G bỏ về không có lý do.

- Về con chung: Ông K và bà G đều xác nhận: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lưu Hoàng L, sinh ngày 19/12/2004, cháu Lưu Thị T, sinh ngày 08/10/2009 và cháu Lưu Hoàng G, sinh ngày 15/8/2008 (đã chết ngày 23/9/2011). Hiện nay cháu L và cháu T đang ở cùng bà G. Bà G và ông K đều có nguyện vọng nuôi cả hai cháu L và T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Ông K và bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn - ông Lưu Văn K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với bà Đặng Thị G. Về con chung: Ông K đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết để bà G trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và cháu T, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, bà Đặng Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa sơ thẩm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa ông Lưu Văn K và bà Đặng Thị G. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu L và cháu T cho bà G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà G. Các vấn đề khác do ông K và bà G không yêu cầu nên không phải giải quyết; nguyên đơn - ông Lưu Văn K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của ông Lưu Văn K với bà Đặng Thị G và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bà Đặng Thị G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Lưu Văn K và bà Đặng Thị G là hợp pháp. Thực tế vợ chồng chung sống cùng nhau từ năm 2004. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau đến đầu năm 2022 thì mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, bà G ghen tuông nghi ngờ ông K ngoại tình nên cãi chửi nhau. Ông K bỏ về nhà riêng tại Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam sinh sống, bà G đã xin lỗi nhưng ông K không tha thứ. Từ đầu tháng 2 năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian sống ly thân, thỉnh thoảng ông K về thăm các con nhưng không hỏi han gì đến bà G. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết ly hôn giữa ông K và bà G là phù hợp với khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Lưu Văn K và bà Đặng Thị G có 03 con chung là cháu Lưu Hoàng L, sinh ngày 19/12/2004, cháu Lưu Thị T, sinh ngày 08/10/2009 và cháu Lưu Hoàng G, sinh ngày 15/8/2008 (đã chết ngày 23/9/2011). Hiện nay cháu L và cháu T đang ở cùng bà G. Bà G có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, cháu T và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lưu Hoàng L và Lưu Thị T có nguyện vọng ở với bà Đặng Thị G. Tại phiên tòa ông Lưu Văn K đồng ý để bà G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, cháu T. Xét nguyện vọng của bà Đặng Thị G về nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với thực tế nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Lưu Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà G.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: - Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa ông Lưu Văn K và bà Đặng Thị G.

2. Về con chung:

Giao cháu Lưu Hoàng L, sinh ngày 19/12/2004 và cháu Lưu Thị T, sinh ngày 08/10/2009 cho bà Đặng Thị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L, cháu T đủ 18 tuổi. Ông Lưu Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Đặng Thị G.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Ông K và bà G không yêu cầu do đó không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông K phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí ly hôn ông K đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001105 ngày 25/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Đối với ông K kể từ ngày tuyên án. Đối với bà G thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + *văn phòng*.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(*Đã kí*)**

Đinh Thành Nam